

CÔNG TY CỔ PHẦN SANG TÀI PHÁT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN SANG TÀI PHÁT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: SANG TAI PHAT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: SANG TAI PHAT., JSC

2. Mã số doanh nghiệp: 0108033709

3. Ngày thành lập: 24/10/2017

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Cầu Bã, Thị trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0987395682

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
2.	Phá dỡ	4311
3.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
4.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
5.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
6.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
7.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
8.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
9.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa, cây cảnh	0118
10.	Trồng cây hàng năm khác	0119
11.	Trồng rừng và chăm sóc rừng	0210
12.	Khai thác gỗ	0221
13.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0222
14.	Thu nhặt sản phẩm từ rừng không phải gỗ và lâm sản khác	0230
15.	Hoạt động dịch vụ lâm nghiệp	0240
16.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
17.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
18.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
19.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
20.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
21.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
22.	Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa	1702

23.	Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu	1709
24.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
25.	Sản xuất nhạc cụ	3220
26.	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
27.	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
28.	Chăn nuôi trâu, bò	0141
29.	Chăn nuôi ngựa, lừa, la	0142
30.	Chăn nuôi dê, cừu	0144
31.	Chăn nuôi lợn	0145
32.	Chăn nuôi gia cầm	0146
33.	Chăn nuôi khác	0149
34.	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
35.	Hoạt động dịch vụ chăn nuôi	0162
36.	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
37.	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
38.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
39.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
40.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
41.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
42.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
43.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
44.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
45.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
46.	Sản xuất đường	1072
47.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
48.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
49.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
50.	Dịch vụ đóng gói	8292
51.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
52.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
53.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
54.	Vận tải hành khách đường thủy nội địa	5021
55.	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
56.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
57.	Bốc xếp hàng hóa	5224
58.	Khai thác và thu gom than cứng	0510
59.	Khai thác và thu gom than non	0520

60.	Khai thác quặng sắt	0710
61.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
62.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
63.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
64.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
65.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
66.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
67.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
68.	Đại lý, môi giới, đấu giá Chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
69.	Bán buôn thực phẩm	4632
70.	Bán buôn đồ uống	4633
71.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
72.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
73.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
74.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
75.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh./.	8299
76.	Lắp đặt hệ thống điện	4321(Chính)
77.	Xây dựng nhà các loại	4100
78.	Xây dựng công trình công ích	4220

6. Vốn điều lệ: 2.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán:

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN ĐẠI KHOA	Thôn Đông, Thị Trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	10.000	100.000.000	5,000	001091019760	
			Tổng số	10.000	100.000.000	5,000		

2	NGUYỄN BÁ BẠO	Thôn Cầu Bã, Thị Trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	150.000	1.500.000.000	75,000	001082023840	
			Tổng số	150.000	1.500.000.000	75,000		
3	NGUYỄN THỊ LAN	Thôn Cầu Bã, Thị Trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	40.000	400.000.000	20,000	001184025728	
			Tổng số	40.000	400.000.000	20,000		

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Ho và tên: NGUYỄN BÁ BAO

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 10/03/1982

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001082023840

Ngày cấp: 09/08/2017

Nơi cấp: Cục CS ĐKQL cư trú và DLOG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Thôn Cầu Bã, Thị Trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Thôn Cầu Bã, Thị trấn Tây Đằng, Huyện Ba Vì, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội